

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2025/HNGĐ - ST.

Ngày: 24 - 6 - 2025.

"V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trà Minh Châu.

Bà Trần Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2025/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị M, sinh năm 1983; địa chỉ: Số C, ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt và có đơn xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Triệu Văn V, sinh năm 1983; địa chỉ: Số nhà B, ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện lập ngày 24/02/2025 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày: Vào năm 2017, bà Lê Thị M và ông Triệu Văn V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 72/2014 ngày 08/12/2014. Sau khi kết hôn bà M và ông V sống chung hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung trong cuộc sống gây ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được. Bà Lê Thị M và ông Triệu Văn V sống ly thân từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Trong quá trình chung sống bà Lê Thị M và ông Triệu Văn V có 01 người con

chung tên Triệu Ngọc T, sinh ngày 11/09/2012. Hiện con chung đang sống với ông V. Trong quá trình chung sống, bà Lê Thị M và ông Triệu Văn V không có tài sản chung và nợ chung.

Nguyên đơn bà Lê Thị M yêu cầu ly hôn với ông Triệu Văn V; bà M giao con chung cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và bà M không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung không có nên bà M không yêu cầu gì.

- Đối với bị đơn ông Triệu Văn V: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông V, nhưng ông V không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông V để tham gia tố tụng tại phiên hòa giải nhưng ông V vẫn vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Bị đơn ông Triệu Văn V đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Triệu Văn V chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy tình trạng của vợ chồng bà Lê Thị M và ông Triệu Văn V đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M; về con chung: giao cháu Triệu Ngọc T, sinh ngày 11/09/2012 cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, ông V không cấp dưỡng cho cháu T, về tài sản chung bà M không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, về nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 13/3/2025 và tại phiên tòa bà Lê Thị M trình bày: Bà Lê Thị M và ông Triệu Văn V tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 72/2014, quyển số: 01/2013 ngày 08/12/2014. bà M giao con chung cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và bà M không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung không có nên bà M không yêu cầu gì. Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong vụ án, bị đơn ông Triệu Văn V hiện đang cư trú tại ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Bị đơn ông Triệu Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông V.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị M vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Triệu Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng không lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Lê Thị M và bị đơn ông Triệu Văn V.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, bà Lê Thị M và ông Triệu Văn V tự nguyện kết hôn và được tại UBND xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số : 72/2014, quyển số: 01/2013 ngày 08/12/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông V là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà M có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà M, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong thời gian chung sống ông, bà luôn xảy ra bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng thường cãi vã qua lại, mâu thuẫn kéo dài, từ đó cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, luôn bất hòa. Ông V và bà M đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến nay và sau khi sống ly thân thì ông V và bà M có gặp nhau nhưng không hàn gắn tình cảm được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng ông V và bà M đoàn tụ với nhau nhưng ông V vẫn vắng mặt và bà M vẫn kiên quyết ly hôn với ông V vì tình cảm vợ chồng không còn. Như vậy, tình trạng của vợ chồng ông V và bà M đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà M là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà M được ly hôn với ông V.

[5]. Về con chung: Bà Lê Thị M xác định trong thời gian chung sống, bà M và ông Triệu Văn V có 01 người con chung là Triệu Ngọc T, sinh ngày 11/09/2012, hiện cháu T đang sống chung với bà M; bà M giao con chung cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy, từ khi bà M và ông V không sống chung với nhau cho đến nay cháu T do ông V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án cháu T có nguyện vọng sống chung với ông V. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải giao cháu T cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Ngoài ra, căn cứ vào Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội

đồng xét xử dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Lê Thị M mà không ai được cản trở.

[6]. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Triệu Văn V không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về tài sản chung: Bà Lê Thị M xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8]. Về nợ chung: Bà Lê Thị M xác định trong thời gian chung sống bà M và ông Triệu Văn V không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9]. Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Triệu Văn V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị M được ly hôn với ông Triệu Văn V.

1.2. Về con chung: Giao cháu Triệu Ngọc T, sinh ngày 11/09/2012 cho ông Triệu Văn V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Lê Thị M mà không ai được cản trở.

1.3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị M không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.4. Về tài sản chung: Bà Lê Thị M xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

1.5. Về nợ chung: Bà Lê Thị M xác định trong thời gian chung sống bà M và ông Triệu Văn V không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009304 ngày 01/4/2025 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà Lê Thị M đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Ông Triệu Văn V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- UBND xã S;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. TTr,KT&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Ánh